

Số: 07/BCTC/MPC24

Cà Mau, ngày 16 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện công bố thông tin Báo Cáo Tài Chính Cty Mẹ (BCTC) 6 tháng đầu năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú

- Mã chứng khoán: MPC
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795
- Email: minhphu@minhphu.com Website: <https://minhphu.com/>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC Cty mẹ 6 tháng đầu năm 2024

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 16/08/2024 tại đường dẫn: minhpvu@minhpvu.com

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Cty mẹ 6 tháng đầu năm 2024
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh

6103000072

ngày 12 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

2000393273

ngày 15 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2000393273 ngày 1 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Bình

Ông Lê Văn Quang

Ông Lê Văn Điệp

Ông Phan Thanh Lộc

Bà Hồ Thu Lê

Ông Bùi Anh Dũng

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa

Ông Sasaki Takahiro

Ông Suzuki Yoshiaki

Ông Hamaya Harutoshi

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

(từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)

Thành viên

(đến ngày 25 tháng 6 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang

Bà Chu Thị Bình

Ông Lê Văn Điệp

Ông Bùi Anh Dũng

Ông Lê Ngọc Anh

Bà Lê Thị Dịu Minh

Ông Chu Hồng Hà

Ông Tsunoda Norihisa

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Ông Trần Văn Khánh Bà Lâm Thị Thúy Kiều Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	Trưởng ban kiểm soát Thành viên Thành viên
----------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

==
ÁI
T
(
)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 15 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00364-24-3



Trần Đình Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.874.221.770.221	3.168.304.234.085
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	71.944.007.960	295.636.710.483
Tiền	111		71.944.007.960	67.599.710.483
Các khoản tương đương tiền	112		-	228.037.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.226.036.394	8.226.036.394
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	8.806.789.411	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(5.580.753.017)	(5.580.753.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.420.551.926.556	929.352.573.182
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.240.423.697.912	692.398.129.100
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	25.054.597.895	28.520.834.529
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	115.500.000.000	141.983.309.684
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	49.059.126.459	75.935.795.579
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(9.485.495.710)	(9.485.495.710)
Hàng tồn kho	140	10	2.322.773.315.720	1.911.294.084.666
Hàng tồn kho	141		2.337.665.794.323	1.943.494.117.590
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.892.478.603)	(32.200.032.924)
Tài sản ngắn hạn khác	150		50.726.483.591	23.794.829.360
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.829.060.905	3.536.210.142
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	43.364.492.863	18.725.689.395
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(c)	1.532.929.823	1.532.929.823

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

2024
NH
TV
V
10

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.448.455.695.096	4.402.927.875.359
Tài sản cố định	220		222.439.801.105	208.804.675.014
Tài sản cố định hữu hình	221	11	205.292.610.115	191.896.151.218
Nguyên giá	222		638.513.331.911	609.995.191.496
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(433.220.721.796)	(418.099.040.278)
Tài sản cố định vô hình	227	12	17.147.190.990	16.908.523.796
Nguyên giá	228		35.813.801.130	34.766.546.130
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.666.610.140)	(17.858.022.334)
Tài sản dở dang dài hạn	240		81.052.347.867	100.424.595.075
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	81.052.347.867	100.424.595.075
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.111.332.963.462	4.058.533.770.912
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	5.471.466.449.501	5.311.626.449.501
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(c)	3.900.000.000	3.900.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(1.375.533.486.039)	(1.268.492.678.589)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	11.500.000.000	11.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		33.630.582.662	35.164.834.358
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	33.630.582.662	35.164.834.358
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.322.677.465.317	7.571.232.109.444

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	3.543.641.035.009	2.712.136.361.971
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	36.658.389.285	61.983.701.537
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	3.506.982.645.724	2.650.152.660.434
Giá vốn hàng bán	11	26	3.226.304.138.951	2.378.952.057.226
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		280.678.506.773	271.200.603.208
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	49.313.782.427	182.041.732.921
Chi phí tài chính	22	28	176.486.570.715	260.717.198.545
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.387.382.814	32.987.740.345
Chi phí bán hàng	25	29	170.567.326.271	126.454.162.250
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	47.070.365.792	45.760.985.164
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(64.131.973.578)	20.309.990.170
Thu nhập khác	31		986.062.131	1.032.962.439
Chi phí khác	32		6.681.000	112.806.251
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		979.381.131	920.156.188
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(63.152.592.447)	21.230.146.358
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(300.420.848)	757.026.277
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(62.852.171.599)	20.473.120.081

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(63.152.592.447)	21.230.146.358
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	19.380.168.441	19.642.811.661
Các khoản dự phòng	03	101.687.873.212	210.904.098.672
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.960.314	(255.425.531)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(210.258.943)	(37.465.833)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05	(32.086.025.776)	(158.953.681.993)
Chi phí lãi vay	06	32.387.382.814	32.987.740.345
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	58.010.507.615	125.518.223.679
Biến động các khoản phải thu	09	(530.513.510.806)	(81.554.124.747)
Biến động hàng tồn kho	10	(406.126.296.816)	(241.172.363.193)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	581.379.952.642	187.125.654.833
Biến động chi phí trả trước	12	(758.599.067)	(769.561.418)
		(298.007.946.432)	(10.852.170.846)
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.387.382.814)	(32.987.740.345)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(22.644.517.037)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.836.332.410)	(8.370.882.738)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(338.231.661.656)	(74.855.310.966)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
Mã số 30/6/2024 VND 30/6/2023 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(14.730.131.376)	(45.477.242.415)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	566.781.820	1.295.000.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	-	(15.000.000.000)
Tiền chi cho vay	23	(42.100.000.000)	(66.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	68.583.309.684	4.500.000.000
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25	(157.900.000.000)	(122.035.770.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức và phân phối lợi nhuận	27	19.329.809.201	136.919.908.703
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(126.250.230.671)	(106.298.103.712)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	3.421.940.354.873	2.535.807.976.174
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.158.640.162.372)	(2.857.116.806.199)
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	36	(22.606.504.651)	(17.971.338.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	240.693.687.850	(339.280.168.753)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(223.788.204.477)	(520.433.583.431)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	295.636.710.483	637.929.538.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	95.501.954	933.021.261
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	71.944.007.960	118.428.976.552

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã giao dịch là MPC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản; và xây dựng và phát triển nhà ở để bán và cho thuê cùng với các tiện ích (bao gồm cả tiện ích thương mại) nhằm cung cấp cơ sở hạ tầng cần thiết.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 16 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 16 công ty con và 1 công ty liên kết) như được trình bày ở Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 6.709 nhân viên (1/1/2024: 6.341 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoại trừ các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính. Các khoản mục này không được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 2 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 11 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 2 – 12 năm |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 43 năm đến 59 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 15 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 48 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê trong đó Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước/năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	256.550.939	116.802.655
Tiền gửi ngân hàng	71.687.457.021	67.482.907.828
Các khoản tương đương tiền (*)	-	228.037.000.000
	<hr/>	<hr/>
	71.944.007.960	295.636.710.483

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nào được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (1/1/2024: 165.000 triệu VND) (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2024				1/1/2024			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	18	180.000	534.600	-	18	180.000	396.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	1.208.400	-	19	80.000	1.358.500	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	188.230.000	-	18.823	272.941.176	188.230.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	163.646	3.270.588.235	2.102.851.100	(1.437.753.017)	163.646	3.270.588.235	2.258.314.800	(1.437.753.017)
		8.806.789.411	3.412.824.100	(5.580.753.017)		8.806.789.411	3.568.299.300	(5.580.753.017)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	5.000.000.000	5.000.000.000
<hr/>		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	11.500.000.000	11.500.000.000
<hr/>		

- (i) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 31 tháng 10 năm 2018. Trái phiếu này sẽ đáo hạn ngày 31 tháng 10 năm 2024 và hưởng lãi suất năm từ 6,52% đến 7,54% (2023: từ 6,52% đến 7,54%).
- (ii) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 31 tháng 7 năm 2020, ngày 18 tháng 11 năm 2021 và ngày 20 tháng 7 năm 2023. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn lần lượt vào ngày 30 tháng 7 năm 2030, ngày 18 tháng 11 năm 2031 và ngày 20 tháng 7 năm 2031 và hưởng lãi suất năm từ 6,53% đến 8,53% (2023: từ 6,53% đến 8,53%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào công ty con và công ty liên kết

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty con	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Mseafood Corporation	Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(iii)
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (i)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,50%	97,50%	195.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (i)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	294.890.601.469	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.165.923.813.801	(556.279.720.222)	(iii)
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	244.440.000.000	(139.320.305.586)	(iii)
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(673.854.705.577)	(iii)
▪ Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	10.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(iii)
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	37.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	259.500.000.000	(6.078.754.654)	(iii)
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	4.000.000.000	-	(iii)
				5.471.466.449.501	(1.375.533.486.039)	

Công ty liên kết

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú
 Aquamekong

49,00% 49,00% 3.900.000.000 (iii)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2024

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty con

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (i)
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (i)
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Ebisumo Logistic Co., Ltd.
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics
- Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)
- Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú

Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,50%	97,50%	195.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	283.450.601.469	-	(iii)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.050.523.813.801	(498.111.404.853)	(iii)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	237.040.000.000	(137.012.099.149)	(iii)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(625.917.816.519)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	10.000.000.000	(438.720.336)	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(iii)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	37.000.000.000	(1.613.186.999)	(iii)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	233.900.000.000	(5.135.971.227)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	(263.479.506)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	4.000.000.000	-	(iii)
			5.311.626.449.501	(1.268.492.678.589)	
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	3.900.000.000	-	(iii)

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết có giá trị ghi sổ là 4.099.833 triệu VND (1/1/2024: 4.047.034 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	317.337.729.731	43.906.070.563
▪ Mseafood Corporation	180.166.642.160	242.890.065.804
▪ KB Seafood Company Pty Ltd.	128.310.415.526	98.469.165.451
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	117.234.593.625	-
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	37.253.982.839	70.381.707.635
▪ Các khách hàng khác	460.120.334.031	236.751.119.647
	1.240.423.697.912	692.398.129.100

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	317.337.729.731	43.906.070.563
▪ Mseafood Corporation	180.166.642.160	242.890.065.804
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	117.234.593.625	-
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	37.253.982.839	70.381.707.635
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú	5.820.362.600	921.680.000
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	44.000.000	44.000.000
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	22.000.000	-

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi có yêu cầu.

Tất cả khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2024 và 1/1/2024		Dự phòng VND
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn				
H.T. Foods Pvt Ltd.	Trên 3 năm	9.485.495.710	-	(9.485.495.710)

7. Trả trước cho người bán ngắn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	10.060.000.000	11.085.560.000
Các bên thứ ba		
▪ Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy Sản II	3.314.650.000	3.314.650.000
▪ Các nhà cung cấp khác	11.679.947.895	14.120.624.529
	25.054.597.895	28.520.834.529

Trong trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 2.224 triệu VND (1/1/2024: Không) khoản trả trước để mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND và không có đảm bảo như sau:

	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Các công ty con			
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	3,8%	104.000.000.000	128.983.309.684
▪ Công ty Cổ Phần Công nghệ Otanics	3,8%	11.500.000.000	13.000.000.000
		115.500.000.000	141.983.309.684

Biến động của phải thu về cho vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	141.983.309.684	26.000.000.000
Tăng trong kỳ	42.100.000.000	66.500.000.000
Thu hồi trong kỳ	(68.583.309.684)	(4.500.000.000)
	115.500.000.000	88.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải thu	41.791.511.945	67.026.934.550
Tạm ứng cho nhân viên	3.062.044.976	377.718.043
Chi hộ	1.607.507.147	1.460.758.394
Đặt cọc ngắn hạn	450.000.000	950.000.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	361.572.602	1.255.356.027
Phải thu khác	1.786.489.789	4.865.028.565
	49.059.126.459	75.935.795.579

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	39.501.628.855	42.501.628.855
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	2.289.883.090	2.289.883.090
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	324.821.917	657.284.811
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	36.750.685	57.205.479
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Quý	-	12.239.067.665
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Phát	-	9.996.354.940

Khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	89.591.328.230	(570.756.068)	57.242.590.063	(948.401.782)
Công cụ và dụng cụ	1.469.808.650	(9.363.654)	1.967.471.392	(32.597.291)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.601.908.166	(296.885.005)	41.337.971.858	(684.892.248)
Thành phẩm	2.200.002.749.277	(14.015.473.876)	1.842.946.084.277	(30.534.141.603)
	2.337.665.794.323	(14.892.478.603)	1.943.494.117.590	(32.200.032.924)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	32.200.032.924	35.488.734.734
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.352.934.238)	1.029.388.168
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(11.954.620.083)	-
Số dư cuối kỳ	14.892.478.603	36.518.122.902

Tất cả hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	174.476.727.736	324.080.426.345	91.368.561.725	20.069.475.690	609.995.191.496
Tăng trong kỳ	-	2.529.690.000	1.473.072.727	845.880.000	4.848.642.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.597.132.173	4.182.198.000	-	-	27.779.330.173
Thanh lý	-	(3.453.650.667)	(656.181.818)	-	(4.109.832.485)
Số dư cuối kỳ	198.073.859.909	327.338.663.678	92.185.452.634	20.915.355.690	638.513.331.911
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	101.433.253.744	248.959.567.808	51.857.455.416	15.848.763.310	418.099.040.278
Khấu hao trong kỳ	4.897.166.436	9.904.137.642	3.506.747.974	566.939.074	18.874.991.126
Thanh lý	-	(3.097.127.790)	(656.181.818)	-	(3.753.309.608)
Số dư cuối kỳ	106.330.420.180	255.766.577.660	54.708.021.572	16.415.702.384	433.220.721.796
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	73.043.473.992	75.120.858.537	39.511.106.309	4.220.712.380	191.896.151.218
Số dư cuối kỳ	91.743.439.729	71.572.086.018	37.477.431.062	4.499.653.306	205.292.610.115

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 241.987 triệu VND (1/1/2024: 223.098 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 17.584 triệu VND (1/1/2024: 21.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	14.464.359.012	20.302.187.118	34.766.546.130
Tăng trong kỳ	-	1.047.255.000	1.047.255.000
Số dư cuối kỳ	14.464.359.012	21.349.442.118	35.813.801.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.629.008.659	12.229.013.675	17.858.022.334
Khấu hao trong kỳ	92.770.673	715.817.133	808.587.806
Số dư cuối kỳ	5.721.779.332	12.944.830.808	18.666.610.140
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	8.835.350.353	8.073.173.443	16.908.523.796
Số dư cuối kỳ	8.742.579.680	8.404.611.310	17.147.190.990

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 4.435 triệu VND (1/1/2024: 4.435 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 1.641 triệu VND (1/1/2024: 1.673 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	100.424.595.075	86.480.505.863
Tăng trong kỳ	8.407.082.965	8.949.531.511
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(27.779.330.173)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.250.000.000)
Số dư cuối kỳ	81.052.347.867	94.180.037.374

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án nhà máy Khánh An	68.261.059.973	68.187.947.498
Quyền sử dụng đất	11.671.500.000	11.671.500.000
Nhà ở tập thể cho công nhân	-	18.948.989.177
Các công trình khác	1.119.787.894	1.616.158.400
Số dư cuối kỳ	81.052.347.867	100.424.595.075

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	21.004.045.345	14.160.789.013	35.164.834.358
Tăng trong kỳ	-	3.747.603.604	3.747.603.604
Phân bổ trong kỳ	(460.783.445)	(4.821.071.855)	(5.281.855.300)
Số dư cuối kỳ	20.543.261.900	13.087.320.762	33.630.582.662



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	78.861.879	379.282.727

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	284.952.107.832	-
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Quý	20.800.235.640	16.840.235.640
▪ Các nhà cung cấp khác	155.398.067.743	89.514.667.834
	461.150.411.215	106.354.903.474
Số có khả năng trả nợ	461.150.411.215	106.354.903.474

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	284.952.107.832	-
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	20.800.235.640	16.840.235.640
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	4.592.302.218	1.823.044.908
▪ Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú	3.250.626.822	2.796.286.182
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	2.254.671.723	663.163.400
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	1.300.000.000	3.480.000.000
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	971.286.758	1.585.803.106
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	581.805.333	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú	116.641.053	273.690.187

Khoản phải trả thương mại cho các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Không có khoản phải trả người bán nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp/phải thu từ Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2024 VND
Thuế thu nhập cá nhân	5.692.712.453	8.057.582.617	(12.829.859.458)	-	920.435.612
Thuế giá trị gia tăng	-	11.771.502.480	-	(10.377.722.645)	1.393.779.835
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	125.630.842	(125.630.842)	-	-
	5.692.712.453	19.954.715.939	(12.955.490.300)	(10.377.722.645)	2.314.215.447

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số được hoàn lại VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18.725.689.395	41.645.153.309	(6.628.627.196)	(10.377.722.645)	43.364.492.863

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2024	30/6/2024
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	205.671.630	205.671.630
Thuế nhập khẩu	761.228.693	761.228.693
Các loại thuế khác	566.029.500	566.029.500
	1.532.929.823	1.532.929.823
	1.532.929.823	1.532.929.823

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	10.664.855.824	2.913.472.096
Phải trả khác cho nhân viên	4.840.000.000	8.940.000.000
Cổ tức phải trả	2.598.649.675	2.598.649.675
Phải trả khác	558.556.405	302.557.155
	18.662.061.904	14.754.678.926
	18.662.061.904	14.754.678.926

Không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ			Chênh lệch đánh giá lại VND	30/6/2024 VND
	1/1/2024 VND	Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	1.874.070.145.202	3.421.940.354.873	(3.158.640.162.372)	137.152.410	2.137.507.490.113
Số có khả năng trả nợ	1.874.070.145.202				2.137.507.490.113

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
		2024	2023		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	3,2% - 3,8%	3,0% - 3,8%	1.361.961.447.197	709.803.899.856
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	3,4% - 3,6%	2,8% - 3,7%	488.566.211.583	603.211.532.292
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	3,1% - 3,5%	3,0% - 3,7%	274.264.831.333	47.153.237.582
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	3,5% - 3,8%	3,2% - 4,0%	12.715.000.000	183.400.305.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	-	3,8% - 4,2%	-	273.935.437.072
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	-	3,8% - 4,0%	-	56.565.733.400
				2.137.507.490.113	1.874.070.145.202



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 4)
- Đầu tư góp vốn vào công ty con và công ty liên kết (Thuyết minh 5(c))
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)
- Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)
- Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)
- Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	36.194.142.791	50.791.852.620
Tăng khác	21.600.000	22.500.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(8.161.342.901)	(8.393.382.738)
Số dư cuối kỳ	<u>28.054.399.890</u>	<u>42.420.969.882</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.998.873.000.000	292.399.641.421	57.363.079.045	1.281.491.010.112	5.630.126.730.578
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.473.120.081	20.473.120.081
Sử dụng quỹ	-	-	(17.971.338.728)	-	(17.971.338.728)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.998.873.000.000	292.399.641.421	39.391.740.317	1.301.964.130.193	5.632.628.511.931
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.998.873.000.000	292.399.641.421	15.781.800.630	1.106.567.952.233	5.413.622.394.284
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(62.852.171.599)	(62.852.171.599)
Sử dụng quỹ	-	-	(22.606.504.651)	-	(22.606.504.651)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	3.998.873.000.000	292.399.641.421	(6.824.704.021)	1.043.715.780.634	5.328.163.718.034

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	399.887.300	3.998.873.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	399.887.300	3.998.873.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	10.896.850.560	19.296.850.560
Trong vòng hai đến năm năm	6.450.197.280	7.698.622.560
	17.347.047.840	26.995.473.120

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	226.565	5.761.550.493	79.600	1.926.329.922
JPY	398.537.973	63.766.075.680	371.979.219	63.608.446.449
CAD	1.248	21.498.295	1.265	21.800.887
EUR	30.554	831.065.808	30.539	797.059.287
AUD	92	1.458.498	124	1.956.830
		<u>70.381.648.774</u>		<u>66.355.593.375</u>

(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết bán JPY và USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Cam kết hợp đồng bán JPY	105.826.900.000	175.938.830.000
Cam kết hợp đồng bán USD	-	62.940.800.000
	<u>105.826.900.000</u>	<u>238.879.630.000</u>

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	625.335.172	13.297.209.140



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	3.194.821.789.804	2.431.725.609.717
▪ Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	339.951.816.786	275.459.568.323
▪ Phế liệu đã bán	8.867.428.419	4.951.183.931
	<hr/>	<hr/>
	3.543.641.035.009	2.712.136.361.971
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	36.658.389.285	61.983.701.537
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	3.506.982.645.724	2.650.152.660.434

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Thành phẩm đã bán	2.907.721.076.758	2.112.699.379.018
Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	323.935.996.431	265.223.290.040
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.352.934.238)	1.029.388.168
	<hr/>	<hr/>
	3.226.304.138.951	2.378.952.057.226

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Cổ tức	29.060.000.000	155.908.498.605
Thu nhập lãi tiền gửi	2.862.355.776	2.897.880.988
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	163.670.000	147.302.400
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	17.197.905.966	22.813.101.571
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	274.949.357
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.850.685	-
	49.313.782.427	182.041.732.921

28. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí lãi vay	32.387.382.814	32.987.740.345
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	107.040.807.450	209.874.710.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	37.054.022.914	17.824.328.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	3.960.314	19.523.826
Chi phí tài chính khác	397.223	10.895.031
	176.486.570.715	260.717.198.545

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	72.690.662.003	36.617.730.148
Chi phí thuê kho	44.557.343.642	45.506.893.980
Chi phí hoa hồng	18.883.701.851	13.547.838.147
Chi phí nhân viên	9.684.867.436	9.170.375.732
Chi phí bán hàng khác	24.750.751.339	21.611.324.243
	170.567.326.271	126.454.162.250

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	27.457.254.000	26.219.474.329
Dụng cụ văn phòng	6.768.927.714	6.557.164.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.797.855.697	5.334.217.327
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.372.091.938	4.758.177.127
Phí ngân hàng	997.397.656	607.624.872
Chi phí quản lý khác	1.676.838.787	2.284.326.902
	47.070.365.792	45.760.985.164

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và giá vốn hàng bán	3.143.972.480.190	2.226.033.060.343
Chi phí nhân công và nhân viên	400.643.590.203	361.025.167.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.437.880.399	142.804.580.852
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.380.168.441	19.642.811.661
Chi phí khác	40.828.313.089	38.159.733.266

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(63.152.592.447)	21.230.146.358
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(6.315.259.245)	2.123.014.636
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động thương mại và thu nhập khác	-	(1.347.397.495)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.174.077.297	438.523.660
Thu nhập không bị tính thuế	(2.922.367.000)	(15.605.580.101)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	5.763.128.100	15.148.465.577
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(300.420.848)	757.026.277

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗ tính thuế	237.752.411.690	23.775.241.170	180.121.130.702	18.012.113.070



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	180.121.130.702
2029	Chưa quyết toán	57.631.280.988
		<hr/>
		237.752.411.690
		<hr/>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại và các hoạt động khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		
Bán thành phẩm	136.492.264.171	88.150.599.452
Chi phí thuê nhà xưởng	3.600.000.000	3.600.000.000
Cổ tức	13.650.000.000	12.239.067.665
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		
Chi phí thuê nhà xưởng	4.800.000.000	4.800.000.000
Góp vốn	11.440.000.000	9.400.000.000
Cổ tức	-	9.996.354.940
Mua dịch vụ	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang		
Bán thành phẩm	377.114.874.388	359.002.121.998
Bán nguyên vật liệu	336.327.920	438.277.316
Bán tài sản cố định	300.000.000	-
Hàng bán bị trả lại	-	30.328.068.223
Mua thành phẩm	323.610.314.491	264.797.797.289
Mua nguyên vật liệu	314.374.027	6.076.729.570
Mua dịch vụ	121.077.549	503.873.249
Cổ tức	-	117.923.076.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú – Kiên Giang		
Mua nguyên vật liệu	40.154.939.079	9.464.020.524
Góp vốn	115.400.000.000	74.573.770.000
Thanh lý tài sản cố định	-	1.200.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú		
Góp vốn	7.400.000.000	23.350.000.000
Mua dịch vụ	799.107.130	312.676.370
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An		
Mua nguyên vật liệu	25.627.808.061	63.051.495.680
Cho vay	37.600.000.000	62.000.000.000
Thu hồi khoản vay	62.583.309.684	-
Thu nhập lãi cho vay	2.421.698.051	1.924.060.273

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Mseafood Corporation		
Bán thành phẩm	440.114.233.474	469.637.664.229
Hàng bán bị trả lại	33.364.298.040	-
Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú		
Mua nguyên vật liệu	53.392.892.212	18.535.495.305
Mua dịch vụ	1.139.969.395	9.149.940.040
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	1.500.000.000
Ebisumo Logistic Co., Ltd.		
Bán thành phẩm	78.785.858.121	95.181.830.051
Cổ tức	-	3.500.000.000
Góp vốn	-	3.500.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú		
Bán thành phẩm	31.692.891.000	27.947.028.000
Mua nguyên vật liệu	242.926.113	-
Thanh lý tài sản cố định	8.013.700	-
Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú		
Mua nguyên vật liệu	294.302.530.274	89.424.995.961
Mua dịch vụ	6.567.967.907	6.061.669.336
Cổ tức	1.200.000.000	-
Góp vốn	-	1.500.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú		
Góp vốn	25.600.000.000	15.200.000.000
Mua tài sản cố định	-	831.595.988
Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	9.554.380.187	6.111.239.470
Thanh lý tài sản cố định	240.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics		
Mua dịch vụ	986.534.825	-
Cho vay	4.500.000.000	-
Thu hồi khoản vay	6.000.000.000	-
Thu nhập lãi từ cho vay	290.008.219	-
Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú		
Góp vốn	-	2.832.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty TNHH Thức ăn Tôm Xanh Minh Phú Cổ tức	14.210.000.000	12.250.000.000
<i>Công ty liên kết gián tiếp</i> Công ty Cổ phần Mekong Logistics Mua dịch vụ	23.330.164.734	33.152.704.060
<i>Các bên liên quan khác</i> Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng Thuê văn phòng	2.225.345.730	1.907.223.000

Các giao dịch với nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng lương, thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Chu Thị Bình	75.000.000	75.000.000
Ông Lê Văn Quang	75.000.000	75.000.000
Ông Lê Văn Điệp	75.000.000	75.000.000
Ông Phan Thanh Lộc	150.000.000	150.000.000
Bà Hồ Thu Lê	150.000.000	150.000.000
Ông Bùi Anh Dũng	75.000.000	75.000.000
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	150.000.000	150.000.000
Ông Sasaki Takahiro	150.000.000	150.000.000
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)	5.000.000	-
Ông Hamaya Harutoshi (đến ngày 25 tháng 6 năm 2024)	145.000.000	150.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Lê Văn Quang	653.395.993	490.947.913
Bà Chu Thị Bình	615.384.556	572.811.890
Ông Lê Văn Điệp	1.729.793.690	1.635.686.632
Ông Bùi Anh Dũng	11.700.000	11.700.000
Bà Lê Ngọc Anh	140.000.000	-
Ông Chu Hồng Hà	-	-
Bà Lê Thị Dịu Minh	467.115.208	416.786.064
Ông Tsunoda Norihisa	415.800.000	415.800.000
Ông Thái Hoàng Hùng (đến ngày 5 tháng 11 năm 2023)	-	437.844.631
Ông Trần Văn Thái (đến ngày 5 tháng 11 năm 2023)	-	438.570.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Ban Kiểm soát		
Ông Trần Văn Khánh	208.562.215	198.578.711
Bà Lâm Thị Thuý Kiều (từ ngày 28 tháng 12 năm 2023)	171.222.861	-
Bà Vũ Thị Thảo Nguyên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2023)	24.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hạnh (đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)	-	146.184.755
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc (đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)	-	147.946.857

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Cần trừ cổ tức phải thu từ các công ty con với các khoản ứng trước từ khách hàng	35.885.422.605	-
Cần trừ cổ tức phải thu từ các công ty con với các khoản phải trả thương mại	3.000.000.000	20.950.209.206
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	4.780.143.977	6.185.454.545
Chuyển khoản các khoản phải thu thương mại từ công ty con sang vốn góp	1.940.000.000	3.320.000.000
Chuyển khoản cổ tức từ công ty con thành vốn góp	-	5.000.000.000

35. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chế biến và nuôi trồng thủy sản của Công ty phụ thuộc vào biến động theo mùa do điều kiện thời tiết và thói quen của người tiêu dùng. Đặc biệt, việc nuôi trồng thủy sản ở các khu vực địa lý trọng yếu bị ảnh hưởng tiêu cực do thời tiết nắng nóng và dịch bệnh, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. Công ty đã nỗ lực để giảm thiểu những tác động mang tính thời vụ này bằng cách quản lý hàng tồn kho để duy trì mức đáp ứng trong kỳ. Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong nửa đầu năm thường thấp hơn do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong nửa đầu năm thường thấp hơn so với cuối năm khi có nhiều lễ hội lớn trên thế giới.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này so với ước tính kế toán được sử dụng khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh của bảng cân đối kế toán riêng được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Thông tin so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



THƯ GIẢI TRÌNH

(V/v biến động lợi nhuận riêng công ty mẹ 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ)

KÍNH GỬI : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ vào chương III, điều 14, khoản 4(a, b) thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán .

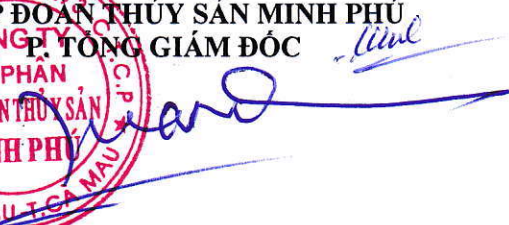
Nay, Tập đoàn thủy sản Minh Phú (Mã CK : MPC) giải trình chênh lệch lợi nhuận trên báo cáo tài chính riêng công ty mẹ 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước như sau :

CHỈ TIÊU	6 THÁNG NĂM 2024	6 THÁNG NĂM 2023
Lợi nhuận sau thuế	(62.852.171.599)	20.473.120.081

- Do công ty mẹ nhận cổ tức từ công ty con giảm so với cùng kỳ.
 - Do Công ty mẹ trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con
- Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ giảm trên 10% và chuyển từ lãi sang lỗ so cùng kỳ năm trước./.

Trân trọng kính chào .

Nơi nhận :
- Như trên
- Lưu VT

Cà Mau, ngày 15 tháng 08 năm 2024
TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN THỦY SẢN
MINH PHÚ
P. TÔNG GIÁM ĐỐC 

LÊ VĂN ĐIỆP

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
KCN P8, TP. CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU
ĐT: 0290.3839.391 Fax: 0290.3833.119
Số: 01/2023/UQBCTC-MPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 10 tháng 01 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ khả năng, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật, nay:

TÔI : LÊ VĂN QUANG

Sinh ngày: 28/10/1958

CCCD số: 022058000698, Ngày cấp 21/12/2021, Do Cục trưởng Cục Cảnh Sát QLHC và TTXH cấp
Địa chỉ thường trú: 82, Đường số 2, Cư xá Đô Thành, P4, Q3, TP.HCM

Chức vụ: Tổng Giám đốc, và là người đại diện theo pháp luật của của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú** (GPKD số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 01/11/2022).

Nay tôi đồng ý ủy quyền cho:

Ông: LÊ VĂN ĐIỆP

CCCD số: 096072015834, Ngày cấp 28/06/2021 Nơi cấp: Cục Trưởng Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP. Cà Mau

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú kiêm Tổng Giám đốc Nhà Máy MPCM và MPHG

Thay tôi thực hiện các công việc trong phạm vi như sau:

+ Ký các hồ sơ, sổ sách chứng kế toán nhà máy MPCM và MPHG

+ Ký các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất quý, báo cáo tài chính kiểm toán soát xét giữa niên độ, Báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú.

Người được ủy quyền có nghĩa vụ phải thực hiện các công việc được ủy quyền trên theo đúng: (i) Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật có liên quan. (ii) Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công Ty và pháp luật về công việc được ủy quyền nêu trên ./.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 10/01/2026.



LÊ VĂN QUANG

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

LÊ VĂN ĐIỆP